

Bản án số:05/2020/ HNGĐ - ST
Ngày 30 tháng 06 năm 2020
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Cung

Ông Vũ Văn Thao

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô tham gia phiên tòa: Bà Giang Thị Quỳnh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2020/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXX-ST ngày 12 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Ninh Tiến D, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn Lam Sơn, xã Khánh Thượng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: Chị Mai Hồng Th, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn Lam Sơn, xã Khánh Thượng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Có mặt anh D, vắng mặt chị Th (chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 5 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và cũng như tại phiên tòa anh Ninh Tiến D trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh xây dựng gia đình với chị Th trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Thượng vào ngày 20 tháng 10 năm 1998. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian dài, đến khoảng đầu năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn vợ chồng là do trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, do anh ham chơi, không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng mâu thuẫn. Từ đó vợ chồng không còn hạnh phúc, luôn xảy ra xung đột, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, nên đến khoảng tháng 8 năm 2016 chị Th đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Yên Lâm ở. Anh và chị Th sống ly thân từ tháng 8 năm 2016 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Th.

+ Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh và chị Th có hai con chung, cháu Ninh Quốc Ph, sinh ngày 21 tháng 7 năm 1999; cháu Ninh Đại Ph, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2006. Hiện nay cháu Ph đã trưởng thành lao động tự lập, còn cháu Ph đang ở với anh. Khi ly hôn quan điểm của anh đối với cháu Ph do cháu đã trưởng thành lao động tự lập, nên không đề nghị Tòa án giải quyết; còn đối với cháu Ph anh đề nghị Tòa án cho anh được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29 tháng 5 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Mai Hồng Th trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Thượng vào năm 1998. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian dài, đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D ham chơi, không chịu tu trí làm ăn, nhiều lần chị có khuyên nhủ nhưng anh D không sửa chữa khuyết điểm, mâu thuẫn

không những được sửa chữa mà còn trầm trọng hơn, đỉnh điểm của mâu thuẫn hai bên sảy ra xô sát. Đến tháng 8 năm 2016 vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến đời sống của nhau chị về sống dưới xã Yên Lâm để ở. Nay anh D xin ly hôn, chị xác định tình cảm không còn, nên đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có hai con chung, tên cháu là Ninh Quốc Ph và cháu Ninh Đại Ph. Khi ly hôn cháu Ph đã trưởng thành, cháu đã lao động tự lập, nên không đề nghị Tòa án giải quyết về việc ai nuôi cháu Ph; còn đối với cháu Ph, đề nghị Tòa án giao cho anh D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị đồng ý với quan điểm của anh D, về việc không yêu cầu chị phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản: Chị Th không đề nghị Toà án giải quyết.

+ Tại biên bản xác minh ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô với Ủy ban nhân dân xã Khánh Thượng về quan hệ hôn nhân giữa anh Ninh Tiến D và chị Mai Hồng Th như sau: Anh Ninh Tiến D và chị Mai Hồng Th lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Thượng vào ngày 20/10/1998. Quá trình vợ chồng anh D và chị Th chung sống hạnh phúc được thời gian, đến khoảng đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng có cãi chửi nhau. Đến khoảng cuối năm 2016 vợ chồng anh D, chị Th sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh D và chị Th có 02 con chung tên là Ninh Quốc Ph, sinh năm 1999; cháu Ninh Đại Ph, sinh năm 2006. Hiện nay cháu Ph đã trưởng thành lao động tự lập, còn cháu Ph đang sinh sống cùng với anh D.

+ Tại phiên tòa sơ thẩm anh D vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn đối với chị Th, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cả hai không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, mục đích hôn nhân không đạt được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô nghiên cứu đúng thời gian; việc xét xử vắng mặt bị đơn đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Mai Hồng Th có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án nhân dân huyện Yên Mô xét xử vắng mặt chị Th là phù hợp với Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Ninh Tiến D và chị Mai Hồng Th.

Về con chung: Giao cháu Ninh Đại Ph, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2006 cho anh D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng; chị Mai Hồng Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh D và chị Th không đề nghị, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh D phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Vụ án về tranh chấp về ly hôn giữa nguyên đơn anh Ninh Tiến D và bị đơn chị Mai Hồng Th, anh D chị Th đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Lam Sơn, xã Khánh Thượng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Do đó vụ án này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ bị đơn đến tham gia phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Th có đơn xin giải quyết vắng mặt và chị Th trình bày quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Sau khi Tòa án nhân dân huyện Yên Mô ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ninh Tiến D và chị Mai Hồng Th xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 10 năm 1998. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tiến bộ cần được pháp luật bảo vệ. Sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của việc mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng có cãi chửi nhau. Từ tháng 8 năm 2016 vợ chồng đã sống ly thân, hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay anh D và chị Th đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Hai bên đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Anh D và chị Th đều trình bày trong thời kỳ hôn nhân có hai con chung tên là Ninh Quốc Ph, sinh ngày 21 tháng 7 năm 1999; cháu Ninh Đại Ph, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2006. Hai bên đều thống nhất cháu Ph đã trưởng thành, lao động tự lập, nên không đề nghị Tòa án giải quyết; còn cháu Ph thì giao cho anh D tiếp tục trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng nuôi dưỡng cháu

Ph đến khi thành niên và phù hợp với nguyện vọng xin của cháu Ninh Đại Ph xin được ở với bố.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D và chị Th thống nhất thỏa thuận chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với anh D. Hội đồng xét xử xét thấy, sự thỏa thuận về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con của anh D và chị Th là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận giao cháu Ninh Đại Ph cho anh D là người tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ph cho đến khi thành niên, chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Đối với tài sản chung và công nợ: Anh D và chị Th không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án.

[5] Về án phí: Anh D phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Ninh Tiến D và chị Mai Hồng Th. Quan hệ hôn nhân của anh Ninh Tiến D và chị Mai Hồng Th chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Ninh Tiến D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ninh Đại Ph, sinh ngày 24 tháng 8 năm

2006 cho đến khi cháu Ph thành niên. Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Mai Hồng Th có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Ph được chung sống với anh Ninh Tiến D. Chị Mai Hồng Th có quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; anh D và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở chị Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Anh Ninh Tiến D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002261 ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

Anh D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Th vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Mô;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- UBND xã Khánh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phan Ngọc Hà